

CHƯƠNG VI

NGHIỆP VỤ MUA BÁN NHỮNG HÀNG HOÁ ĐẶC BIỆT

CN. NGUYỄN CƯỜNG – KHOA KT&KDQT

Tài liệu tham khảo:

- ❖ Luật Khoa học công nghệ 2000
- ❖ Luật sở hữu trí tuệ 2005
- ❖ Luật Dân sự 2005
- ❖ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 29/11/2006...

I. CÁC KHÁI NIỆM

1. Thiết bị toàn bộ (Completed equipment)

- Là tập hợp các thiết bị , máy móc và dụng cụ cần thiết cho việc thực hiện những quy trình công nghệ (hệ thống kiến thức về quy trình công nghệ + thiết bị) nhất định.
- ✓ Những thiết bị chính cho một dây chuyền sản xuất tạo thành những phân xưởng riêng hoặc thành những bộ phận của một xí nghiệp đang được xây dựng hoặc đã được xây dựng xong.
- ✓ Có thể bao gồm các thiết bị phụ trợ
- “Thiết bị toàn bộ”- (Completed equipment), “công trình đồng bộ”- (Completed Project)- công trình hoàn chỉnh đồng bộ, với phương thức “chìa khóa trao tay” (Turn key) hoặc hợp đồng EPC (Engineering Procurement Construction).
- Hiện nay ở Việt Nam, thiết bị toàn bộ thường được hiểu là phần thiết bị (máy móc, thiết bị phụ trợ, công nghệ ...) của công trình hoàn chỉnh và đã bắt đầu thực hiện phương thức hợp đồng EPC (bao gồm cả thiết kế, chuyển giao công nghệ, mua sắm - chế tạo và xây dựng).

Ví dụ: Dây chuyền sản xuất kính an toàn cho ô tô theo công nghệ
Phần lan

EQUIPMENT

1.1. Manual Preprocessing Line, consisting of :

- Air-Flotation Table type AFT-1326
- Felt covered table (size 2x3 m) for cutting over-sized glass
- Cutting Machine type LEK-1326
- Edge Break-Out Table type RIT-1326
- Glass Grinding Machine type XHK-1 wet
- Glass Washing Machine type LPK-2200/3
- Powdering Unit type KPL-2200
- Cutting template composites for LEK (set of 18)
- Template making equipment for LEK

1.2. Automatic Serial Bending furnace, type ESU Ecomax 1220-1/3/4-16

- Moulds for ESU EcoMax (16 pieces)
- Mould making equipment, incl. bending, drilling, welding and hand tools

1.3. Bending furnace, type MU-1830

- Moulds for MU (2 pieces)

- 1.4. PVB Assembling table, type LK-1223 (1 unit)
1.5. PVB Assembling table, type LK-1829 (1 unit)
1.6. De-airing cabin, type IK-1829

1.7. Automatic autoclave acc. SFS standard, type AK-2200, consisting of :

- Compressor
- Air-receiver
- Filters
- Air-dryer
- Rail system, max. 40 m
- Turntables x 4 pcs.
- Loading bridge
- Glass racks for autoclave x 6 pcs.
- Wooden distance pieces for AK racks, samples for local fabrication

1.8. Quality Control Equipment, consisting of :

- Ball drop test, Head form test, Boiling test, Optical test, Secondary Image test, and Light Transmission test

1.9. Spare Parts Package, worth EUR 47.000,- consisting of:

- Spare parts for the machinery
- Consumable and auxiliary items:
 - ❖ Cutting wheels for LEK (100 pcs.)
 - ❖ Grinding belts for XHK (500 pcs.)
 - ❖ Silicon powder for KPL (100 kg)
 - ❖ Industrial vacuum cleaner for powder removing for LK
 - ❖ Silicon rubber vacuum suction rings for IK (100 pcs.)

2. Phát minh

- Là những phát hiện hoặc xác định mới về hiện tượng hoặc những quy luật khách quan của thế giới vật chất mà từ trước tới nay chưa ai biết đến.
- Phát minh không phải là đối tượng mua bán mà chỉ có giá trị khoa học và gắn liền với người phát minh
- Ví dụ: Newton phát minh ra thuyết trọng trường

3. Sáng chế

3.1. Khái niệm

Luật SHTT 2005 Đ.4 mục 12:

- Sáng chế là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên.
- Sáng chế là đối tượng mua bán trên thế giới.

3.2. Đặc điểm

- Có tính mới
Chưa bị bộc lộ công khai (chỉ có một số người có hạn được biết và có nghĩa vụ giữ bí mật về sáng chế đó) dưới hình thức sử dụng, mô tả bằng văn bản hoặc bất kỳ hình thức nào khác
- Có trình độ sáng tạo
Không thể được tạo ra một cách dễ dàng đối với người có hiểu biết trung bình về lĩnh vực kỹ thuật tương ứng.
- Có khả năng áp dụng công nghiệp.
Có thể thực hiện được việc chế tạo, sản xuất hàng loạt sản phẩm hoặc áp dụng lặp đi lặp lại quy trình là nội dung của sáng chế và thu được kết quả ổn định.

4. Bằng sáng chế (patent)

4.1. Khái niệm

- Là Giấy chứng nhận quyền sở hữu sáng chế của Chủ sáng chế do cơ quan quản lý Nhà nước về quyền SHTT cấp (ở Việt nam Cục Sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ). Qua đó Nhà nước thể hiện sự thừa nhận của pháp luật đối với một sáng chế cụ thể, đảm bảo cho Chủ sáng chế được độc quyền khai thác sáng chế đó trong một thời hạn nhất định và ngăn chặn xử lý mọi hành vi xâm phạm của người khác đối với quyền của Chủ sáng chế.

4.2. Phân loại

- Bằng độc quyền sáng chế
- Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

4.3. Đặc điểm

- Bằng sáng chế thường có thời hạn hiệu lực và không được gia hạn

Điều 93 Luật SHTT 2005. *Hiệu lực của văn bằng bảo hộ*

2. Bằng độc quyền sáng chế có hiệu lực từ ngày cấp và kéo dài đến hết 20 năm kể từ ngày nộp đơn.

3. Bằng độc quyền giải pháp hữu ích có hiệu lực từ ngày cấp và kéo dài đến hết 10 năm kể từ ngày nộp đơn.

- Bằng sáng chế là đối tượng mua bán
- Ví dụ: Chủ sáng chế của khoen mở nắp hộp đã được cấp bằng sáng chế tại Mỹ vào năm 1972 và đã bán lại cho Công ty Coca Cola với giá 1cent /một hộp , ngày nay thì đã được sử dụng rộng rãi đối với bất kỳ loại đồ uống đóng hộp nào.

5. Bí quyết kỹ thuật (Know-how)

➤ Điều 3 Luật CGCN 2006

1. Bí quyết kỹ thuật là thông tin được tích lũy, khám phá trong quá trình nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh của chủ sở hữu công nghệ có ý nghĩa quyết định chất lượng, khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm công nghệ.

- Bí quyết kỹ thuật đem lại hiệu quả kinh tế cao đến mức thành bí quyết nhà nghề.
- Là đối tượng mua bán (bán kèm theo sáng chế)

6. Giấy phép (licence)

- Là văn bản chủ sở hữu tài sản khoa học kỹ thuật bán hay chuyển nhượng quyền sử dụng khai thác cho người thứ hai trong một khoảng thời gian nhất định, dựa trên sự thỏa thuận tự nguyện của hai bên .

7. Kiểu dáng công nghiệp

➤ Luật SHTT 2005 Đ.4 mục 15

Kiểu dáng công nghiệp là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này.

- Kiểu dáng công nghiệp được bảo hộ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:
 - ❖ Có tính mới;
 - ❖ Có tính sáng tạo;
 - ❖ Có khả năng áp dụng công nghiệp.

8. Nhãn hiệu hàng hóa

➤ Luật SHTT 2005 Đ.4 mục 16

Nhãn hiệu là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các cá nhân, tổ chức khác nhau.

- Nhãn hiệu được bảo hộ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:
 - ✓ Là dấu hiệu nhìn thấy được dưới dạng chữ cái, từ ngữ, hình vẽ, hình ảnh, kể cả hình ba chiều hoặc sự kết hợp các yếu tố đó, được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc;
 - ✓ Có khả năng phân biệt hàng hoá, dịch vụ của chủ sở hữu nhãn hiệu với hàng hoá, dịch vụ của chủ thể khác.
- *Coca - Cola khoảng 67,52 tỷ USD, Microsoft gần 60 tỷ USD, IBM 53 tỷ USD, Nokia 26,5 tỷ USD, Mc Donald's 26 tỷ USD, Toyota 24,9 tỷ USD...*

9. Giải pháp hữu ích

- ✓ Giải pháp kỹ thuật có tính mới
- ✓ Có khả năng áp dụng vào nhiệm vụ cụ thể
- ✓ Đem lại hiệu quả kinh tế
- ✓ Không có tính sáng tạo và độc đáo như sáng chế

10. Quyền sở hữu công nghiệp

- ✓ Là quyền sở hữu của cá nhân, pháp nhân đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá.
- ✓ Là quyền sử dụng tên gọi xuất xứ
- ✓ Những quyền sở hữu các đối tượng khác

II . HỢP ĐỒNG NK THIẾT BỊ TOÀN BỘ KỸ THUẬT

1. CÁC PHƯƠNG THỨC NHẬP KHẨU THIẾT BỊ TOÀN BỘ

A. *Nhóm Phương thức tự quản*

1. Nhập khẩu thiết bị đặc biệt

- Trên cơ sở vật chất của người nhập khẩu như nhà xưởng, công trình , cơ sở sản xuất,.. , tiến hành nhập khẩu bổ sung: dây chuyền thiết bị sản xuất, thiết bị đồng bộ, thiết bị đặc biệt.. nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nhằm thực hiện chiến lược đầu tư theo chiều sâu.

➤ Ưu điểm:

- ❖ Tiết kiệm chi phí đầu tư
- ❖ Cải tiến sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm đem lại lợi ích kinh tế cho nhà nhập khẩu

➤ Nhược điểm

- ❖ Các giải pháp kỹ thuật đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp cho cả quy trình sản xuất là không dễ dàng.
- ❖ Chi phí vận hành, điều chỉnh cơ cấu cũng như đào tạo nhân viên

2. Nhập khẩu thiết bị cùng với giấy phép sử dụng

- Việc nhập khẩu thiết bị máy móc kèm mua thêm giấy phép sử dụng những đối tượng thuộc sở hữu của người xuất khẩu có tính chất kỹ thuật hỗ trợ sự vận hành thiết bị (sáng chế, bí quyết kỹ thuật, nhãn hiệu , tên thương mại)

3. Nhập khẩu thiết bị kèm theo giấy phép sử dụng và quyền xuất khẩu

B. Phương thức cổ truyền

- ✓ Thuê tư vấn giúp đỡ trong việc khảo sát, thiết kế, giám sát
- ✓ Quyền quyết định vẫn thuộc người NK

C. Phương thức quản lý dự án

Thuê tư vấn thay mặt chủ thầu thực hiện những công việc liên quan tới khảo sát, thiết kế, giám sát

D. Nhóm những phương thức đặc biệt:

1. Chìa khóa trao tay

- Phương thức này trách nhiệm của người bán cao: nhập khẩu thiết bị, lập nghiên cứu khả thi của dự án, lắp ráp hoàn chỉnh và vận hành để bảo giao cho nhà nhập khẩu (trao chìa khóa cho người nhập khẩu).
- ***Phân loại***
 - ❖ *Chìa khóa trao tay thuần túy*: Người bán hoàn tất các công việc liên quan đến việc xây dựng nhà xưởng, lắp đặt, vận hành và chạy thử thiết bị, lập biên bản nghiệm thu trong đó ghi rõ thiết bị hoạt động tốt (có tải và không tải) . Cuối cùng bàn giao thiết bị, tổng kết dự án cho người nhập khẩu.
 - ❖ *Chìa khóa trao tay kỹ thuật*: người bán phải tăng thêm trách nhiệm của mình với cam kết giám sát, đào tạo, và hướng dẫn các nghiệp vụ về vận hành, bảo hành, sửa chữa trong một thời gian nhất định.

2. Giá và lệ phí

- Người chủ công trình thuê một thương nhân khác thay mặt mình (nhà thầu) tổ chức quá trình nhập khẩu thiết bị. Bản chất của phương thức này là “Giá- phí” nghĩa là ngoài giá nhập khẩu thiết bị như phương thức chìa khóa trao tay, người chủ dự án (nhà đầu tư) phải trả thêm một khoản phí cho nhà thầu.

3. Sản phẩm trao tay

- Người bán chịu trách nhiệm đào tạo cho người mua một đội ngũ nhân viên kỹ thuật nhằm đảm bảo vận hành thiết bị, dây chuyền sản xuất đúng tiêu chuẩn để sản phẩm sản xuất ra đạt sản lượng, quy cách chất lượng yêu cầu.

4. Thị trường trao tay

- Người bán đảm nhận thêm trách nhiệm giúp người mua trong hoạt động xuất khẩu/tiêu thụ sản phẩm sản xuất ra với một lượng nhất định và đến khi đạt đến một phần thị phần nào đó trên thị trường thỏa thuận.

5. Phương án toàn bộ

- Người mua ký hợp đồng nhập khẩu với nghĩa vụ của người bán trong hợp đồng là lập dự án, khảo sát, thiết kế, lập bản nghiên cứu khả thi (hồ sơ tài chính và hồ sơ kỹ thuật), nhập khẩu thiết bị, làm mọi công việc để thiết bị, dây chuyền vận hành đúng yêu cầu, tổ chức tiêu thụ sản phẩm . Cuối cùng bàn giao cho người mua lợi nhuận sau khi trừ đi các khoản chi phí.
- Trong hợp đồng quy định rõ tiền thù lao , các chi phí thực hiện hợp đồng.
- Giống như hình thức đầu tư nhưng khác là có hoạt động mua bán.

2. HỢP ĐỒNG NHẬP KHẨU THIẾT BỊ TOÀN BỘ

2.1. Đặc điểm

- Phức tạp, đòi hỏi trình độ cao về kỹ thuật cũng như nghiệp vụ XNK
- Giá trị lớn nên thường được thực hiện thông qua đấu thầu
- Thực hiện trên cơ sở hợp đồng khung

2.2. Nội dung

- Đối tượng
- Các định nghĩa:
- Giá cả và trị giá hợp đồng
- Giao hàng (thường quy định giao hàng từng phần).
- Lắp ráp, vận hành và chạy thử
- Kiểm tra và thử nghiệm
- Giúp đỡ và Tài liệu kỹ thuật
- Bảo hành
- Các điều kiện khác giống hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế
- Phụ lục...

Các điều khoản chủ yếu của một hợp đồng NK thiết bị toàn bộ

CONTENTS (nội dung)

1. Scope of the Sales Contract: Đối tượng
2. The Equipment: Thiết bị
3. Technical Documentation and Project Contact
Persons: Tài liệu kỹ thuật và các bên liên quan
4. Packing: Đóng gói
5. Price and Payment Terms: Giá cả và điều khoản thanh
t toán
6. Delivery: Giao hàng
7. Consequences of Late Delivery: Giao hàng chậm
8. Health and Safety: An toàn
9. Arrival of the Equipment: Thời điểm hàng đến
10. Installation: Lắp ráp
11. Acceptance: Nghiệm thu

12. Title: Chuyển giao
13. Warranty: bảo hành
14. Limitation of Liability: Phạm vi trách nhiệm
15. Force Majeure: Bất khả kháng
16. Taxes and Duties and Permissions:
Thuế, các khoản thu và giấy phép
17. Confidentiality, Patents and Improvements:
Tính bảo mật, bằng sáng chế, và những cải tiến
18. Arbitration and Applicable Law: Trọng tài và Luật
áp dụng
19. Assignment: Chuyển nhượng
20. Language and Interpretation: Ngôn ngữ và phiên
dịch
21. Miscellaneous:
22. Coming into Force of the Sales Contract: Hiệu lực
23. Cancellation: Hủy hợp đồng
24. Waiver: Sự khước từ
25. Survival of Provisions: Điều khoản chung

APPENDICES (phụ lục)

- Appendix 1 The Equipment and Services: thiết bị và dịch vụ
- Appendix 2 Technical Specifications, Performance and Technical Description: Mô tả kỹ thuật.
- Appendix 3 Requirements for Performance : Yêu cầu vận hành
- Appendix 4 Technical Documentation: tài liệu kỹ thuật
- Appendix 5 Scope of Delivery by the Buyer:
- Appendix 6 Price, Currency and Payment Terms: Thanh toán
- Appendix 7 Delivery Time and Delivery Terms: Giao hàng
- Appendix 8 Installation, Installation Supervision and Training: Vận hành, giám sát và đào tạo vận hành
- Appendix 9 Acceptance Test Procedures, Evaluation of Test Results: Kiểm tra: quy trình, đánh giá và kết quả

III. HỢP ĐỒNG MUA BÁN CÔNG NGHỆ

1. Khái niệm

➤ Điều 3. Luật CGCN 2006

2. Công nghệ là giải pháp, quy trình, bí quyết kỹ thuật có kèm hoặc không kèm công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm.
3. Công nghệ cao là công nghệ có hàm lượng cao về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; tạo ra các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng và giá trị gia tăng cao; có khả năng hình thành các ngành sản xuất, dịch vụ mới hoặc hiện đại hoá ngành sản xuất, dịch vụ hiện có.
4. Công nghệ mới là công nghệ lần đầu tiên được tạo ra tại Việt Nam.
5. Công nghệ tiên tiến là công nghệ hàng đầu, có trình độ công nghệ cao hơn trình độ công nghệ cùng loại hiện có.
8. Chuyển giao công nghệ là chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng một phần hoặc toàn bộ công nghệ từ bên có quyền chuyển giao công nghệ sang bên nhận công nghệ.
9. Chuyển giao công nghệ tại Việt Nam là việc chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam.
10. Chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam là việc tổ chức, cá nhân hoạt động ở nước ngoài chuyển giao công nghệ cho tổ chức, cá nhân hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam.
11. Chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài là việc tổ chức, cá nhân hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam chuyển giao công nghệ cho tổ chức, cá nhân hoạt động ở nước ngoài.
16. Hoạt động chuyển giao công nghệ bao gồm chuyển giao công nghệ và dịch vụ chuyển giao công nghệ.

Các bộ phận của công nghệ

- Thiết chế về tổ chức (Organware)
- Thiết chế về kỹ thuật (Technoware)
- Thiết chế về thông tin (Infoware)
- Thiết chế về nhân sự (Humanware)

Hình thức mua bán công nghệ

- Kèm giấy phép sử dụng sáng chế (lixăng)
- Không kèm lixăng
- Kèm đầu tư cơ bản

Việt Nam:

- ✓ *Chuyển giao quyền sở hữu/ sử dụng sáng chế, giải pháp hữu ích*
- ✓ *Chuyển giao bí quyết/ kiến thức kỹ thuật (phương án, tài liệu kỹ thuật)*
- ✓ *Cung cấp dịch vụ hỗ trợ (Tư vấn, đào tạo, thông tin)*

2. Hợp đồng chuyển giao công nghệ

2.1. Nguyên tắc

➤ Điều 14. Luật CGCN 2006

Nguyên tắc giao kết và thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ

1. Việc giao kết hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện thông qua hợp đồng bằng văn bản hoặc hình thức khác có giá trị tương đương văn bản, bao gồm điện báo, telex, fax, thông điệp dữ liệu và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.
2. Ngôn ngữ trong hợp đồng chuyển giao công nghệ do các bên thoả thuận; trường hợp cần giao dịch tại Việt Nam thì phải có hợp đồng bằng tiếng Việt. Hợp đồng bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị như nhau.
3. Hợp đồng chuyển giao công nghệ được giao kết và thực hiện theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự, Luật thương mại và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2.2. Nội dung

➤ Điều 14. Luật CGCN 2006 Nội dung hợp đồng chuyển giao công nghệ

Các bên tham gia giao kết hợp đồng chuyển giao công nghệ có thể thỏa thuận về những nội dung sau đây:

1. Tên hợp đồng chuyển giao công nghệ, trong đó ghi rõ tên công nghệ được chuyển giao;
2. Đối tượng công nghệ được chuyển giao, sản phẩm do công nghệ tạo ra;
3. Chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng công nghệ;
4. Phương thức chuyển giao công nghệ;
5. Quyền và nghĩa vụ của các bên;
6. Giá, phương thức thanh toán;
7. Thời điểm, thời hạn hiệu lực của hợp đồng;
8. Khái niệm, thuật ngữ sử dụng trong hợp đồng (nếu có);
9. Kế hoạch, tiến độ chuyển giao công nghệ, địa điểm thực hiện chuyển giao công nghệ;
10. Trách nhiệm bảo hành công nghệ được chuyển giao;
11. Phạt vi phạm hợp đồng;
12. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng;
13. Pháp luật được áp dụng để giải quyết tranh chấp;
14. Cơ quan giải quyết tranh chấp;
15. Các thoả thuận khác không trái với quy định của pháp luật Việt Nam.

Các điều khoản chủ yếu của một hợp đồng chuyển giao công nghệ

- Điều 1: Các định nghĩa.
- Điều 2: Sự trao quyền.
- Điều 3: Trợ giúp về kỹ thuật.
- Điều 4: Kiểm tra chất lượng.
- Điều 5: Nhãn hiệu Thương mại.
- Điều 6: Tiền bản quyền.
- Điều 7: Kiểm tra quá trình sản xuất theo bản quyền.
- Điều 8: Thanh toán.
- Điều 9: Quá trình bán bộ linh kiện và phụ tùng.
- Điều 10: Sự dẫn xuất, sự hoán cải và sự thay đổi.
- Điều 11: Bảo hành và trách nhiệm.
- Điều 12: Giới hạn trong việc cấp phép và sự trợ giúp về kỹ thuật
- Điều 13: Sự tuân thủ các chi tiết kỹ thuật.
- Điều 14: Sự giữ bí mật.
- Điều 15: Bằng sáng chế và sự vi phạm bằng sáng chế.
- Điều 16: Sự kết thúc của hợp đồng.
- Điều 17: Trường hợp bất khả kháng.
- Điều 18: Quyền lợi.

Điều 19: Ảnh hưởng của sự chấm dứt hợp đồng.

Điều 20: Sự thay đổi hợp đồng.

Điều 21: Ghi chú.

Điều 22: Trọng tài.

Điều 23: Thời hạn hiệu lực của hợp đồng.

Điều 24: Ngày có hiệu lực.

Điều 25: Luật pháp áp dụng.

Điều 26: Sự mất hiệu lực của một trong các điều khoản của Hợp đồng.

Điều 27. Thoả thuận tổng thể.

Điều 28: Sự chuyển nhượng.

Điều 29: Các bản đối chiếu.

Phụ lục A: Các sản phẩm sản xuất theo công nghệ chuyên giao .

Phụ lục B: Danh sách các thông tin kỹ thuật về các sản phẩm

Phụ lục C: Tiêu chuẩn thực hiện chất lượng.

IV. HỢP ĐỒNG MUA BÁN LI-XĂNG (GIẤY PHÉP)

1. Khái niệm

- Giấy phép là văn bản chủ sở hữu tài sản khoa học kỹ thuật bán hay chuyển nhượng quyền sử dụng khai thác cho người thứ hai trong một khoảng thời gian nhất định, dựa trên sự thỏa thuận tự nguyện của hai bên.
- Hợp đồng ký kết về vấn đề này được gọi là hợp đồng mua bán sáng chế (Hợp đồng Li xăng)

2. Phân loại

➤ *Hợp đồng li xăng giản đơn*

Theo đó người bán chuyển nhượng quyền sử dụng nhưng vẫn giữ quyền sử dụng của bản thân mình và có quyền chuyển nhượng quyền sử dụng khai thác cho người thứ ba

➤ *Hợp đồng li xăng đặc quyền*

❖ Theo đó người bán trao cho người mua quyền sử dụng đặc biệt trong một phạm vi lãnh thổ trong một thời gian nhất định. Và trong phạm vi đó người bán không được sử dụng sáng chế và không được chuyển nhượng quyền sử dụng cho bên thứ ba khác.

❖ Người bán vẫn có quyền sở hữu đối với tài sản của mình.

❖ Giá của Hợp đồng li xăng đặc quyền sẽ tùy thuộc vào phạm vi trao quyền

❖ Trong hợp đồng người bán vẫn thường hạn chế những quyền được trao cho bên mua

➤ *Hợp đồng li xăng thứ cấp*

Người mua trong hợp đồng li xăng chuyển nhượng toàn bộ hay một phần quyền sử dụng sáng chế, bí quyết kỹ thuật, công nghệ,... cho người thứ ba, trong trường hợp này gọi là *hợp đồng li xăng phụ thuộc*.

3. Nội dung

Cơ bản giống hợp đồng chuyển giao công nghệ

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHỦ YẾU NHƯ:

- Các bên trong Hợp đồng
- Nội dung mua bán
- Sự trao quyền
- Tiền bản quyền
- Thanh toán
- Hiệu lực hợp đồng (*5 năm*)
- Trợ giúp kỹ thuật và tài liệu kỹ thuật
- Trọng tài
- Luật áp dụng.
- Các nội dung khác

Tham khảo SGK...

V. Hợp đồng nhượng quyền thương mại (Franchise)

1. Khái niệm

Người nhượng quyền (franchiser) nhượng một phần quyền sở hữu thương hiệu và trợ giúp thường xuyên cho người khác (franchisee)

2. Đặc điểm

- ✓ Phương thức thâm nhập thị trường mới
 - ✓ Gắn với việc sử dụng nhãn hiệu
 - ✓ Quảng bá thương hiệu
 - ✓ Trợ giúp thường xuyên
 - ✓ Yêu cầu về quản lý sử dụng thương hiệu
 - ✓ Chia sẻ lợi nhuận
- ??? *So sánh Franchise và mua bán lixăng?*

**THE END &
GOOD LUCK!!!**

